

GÓI KHÁM CHUYÊN SÂU INTENSIVE CARE PACKAGES

STT NUMBER	DANH MỤC KHÁM ITEMS OF EXAMINATION	Giá Dịch Vụ SERVICE PRICES	NAM MALE	NỮ - FEMALE	
				Độc thân ALONELY	Có gia đình MARRIED
KHÁM LÂM SÀNG - CLINICAL EXAMINATION					
1	Kiểm tra các thông số chung - Physical examination: Mạch,HA,chiều cao,Cân nặng. Đánh giá chỉ số khối cơ thể (BMI) - (Pulse, blood pressure ,height,weigh, BMI)	200,000	X	X	X
2	Kiểm tra thị lực - Vision check: Kiểm tra thị lực,Kiểm tra kính (Without glasses/with glasses)				
3	Khám Nội - Internal medicine				
4	Khám Tai Mũi Họng - Otolaryngology				
5	Khám Răng Hàm Mặt - Odonto Stomatology				
6	Khám Da Liễu - Dermatology				
7	Khám Sản phụ khoa - Gynecology examination Khám nhũ - Breast examination	150,000		X	X
CẬN LÂM SÀNG - PARACLINICAL EXAMINATION					
8	Chụp Xquang tim phổi thẳng kỹ thuật số -Cardiopulmonary straight X-ray digital: Đánh giá các bệnh lý của phổi: lao phổi, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính,... (Thông báo cho KTV Xquang nếu bạn đang mang thai hay nghi ngờ có thai). (Assessment of lung diseases:Tuberculosis,Chronic obstructive pulmonary disease ,... (Notify the technician if you are pregnant or suspect pregnancy).	150,000	X	X	X
9	Đo điện tim - EGC measurements	70,000	X	X	X

10	Siêu âm màu bụng tổng quát - General abdominal ultrasound color Đánh giá tổng quát các cơ quan trong ổ bụng: gan, mật, tụy lách, sỏi thận... phát hiện các khối u hay sỏi, siêu âm phụ khoa đối với phụ nữ. Giúp đánh giá: u xơ tử cung, u nang buồng trứng.	150,000	X	X	X
11	Siêu âm tim - Echocardiography Đánh giá các bệnh lý tim mạch...(Evaluation of cardiovascular disease)	300,000	X	X	X
12	Siêu âm màu tuyến vú - Color ultrasound breast Tầm soát các bệnh lý tuyến vú...	150,000		X	X
13	Siêu âm màu tuyến giáp - Thyroid color ultrasound Tầm soát các bệnh lý tuyến giáp...	150,000	X	X	X
14	Soi tươi huyết trắng - Wet mount Phát hiện các viêm nhiễm phụ khoa...	100,000		X	X
15	Pap smear tầm soát ung thư cổ tử cung Pap smear screening for cervical cancer	200,000			X
XÉT NGHIỆM - TESTING					
16	Công thức máu (22 thông số) - Full blood count (22 parameters) Tầm soát các bệnh lý về máu: như thiếu máu, ung thư máu, suy tủy, nhiễm trùng,... (Screening of blood pathology: such as Anemia, blood cancer, marrow failure,...)	90,000	X	X	X
17	Đường huyết lúc đói - Fasting blood glucose Tầm soát bệnh đái tháo đường (Screening for diabetes mellitus)	40,000	X	X	X
18	Nhóm máu ABO + Rh (Group blood ABO + Rh)	90,000	X	X	X
19	Chức năng thận - Renal function: Urea, Creatinine Đánh giá bất thường chức năng thận (Assess abnormal kidney function)	100,000	X	X	X
20	Xét nghiệm Axit Uric - Testing Axit Uric Phát hiện sớm bệnh Gout (Detecting Gout)	50,000	X	X	X

21	Mỡ trong máu: Cholesterol, Triglyceride, HDL, LDL Đánh giá nguy cơ các bệnh về tim, mạch...(Detcting the risk of heart disease, vascular.)	210,000	X	X	X
22	Chức năng gan - Liver function: SGOT, SGPT, GGT Đánh giá tổn thương chức năng gan (Assessment of liver function)	150,000	X	X	X
23	Hp Test Vi khuẩn gây bệnh dạ dày (Stomach bacteria)	150,000	X	X	X
24	PSA tầm soát ung thư tuyến tiền liệt (Screening for prostate cancer)	250,000	X		
25	Tổng phân tích nước tiểu -Total Urine Testing	50,000	X	X	X
TẦM SOÁT VIÊM GAN SIÊU VI - SCREENING FOR HEPATITIS					
26	HBsAg Kháng nguyên viêm gan B (Hepatitis B antigen)	150,000	X	X	X
27	Anti HBs Kháng thể bề mặt viêm gan B (Antibodies for hepatitis B surface)	160,000	X	X	X
28	Anti HCV Viêm gan siêu vi C (Hepatitis C antigen)	180,000	X	X	X
29	Tổng kết hồ sơ - Conclution	Miễn phí FREE	—	—	—
Tổng phí theo giá lẻ (VND) TOTAL COST OF RETAIL PRICES (VND)		3,290,000	2,690,000	2,840,000	3,040,000